**HƯỚNG DẪN ÔN TẬP CUỐI KỲ II MÔN LỊCH SỬ 12**

**(Từ bài 21 đến bài 25)**

**BÀI 21: XÂY DỰNG CNXH Ở MIỀN BẮC, ĐẤU TRANH CHỐNG ĐẾ QUỐC MĨ VÀ CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN Ở MIỀN NAM (1954 – 1965)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **1. Tình hình và nhiệm vụ c/m sau 1954 (h/đ Giơnevơ)** | **Tình hình 2 miền** | \* Miền Bắc:  - 10/10/1954: quân ta về HN, giải phóng thủ đô.  -1/1/1955: Chính phủ - TƯ Đảng về Thủ đô.  - 16/5/1955: Pháp rút khỏi Hải Phòng – > MB giải phóng.  \* Miền Nam:  - Mỹ dựng chính quyền Ngô Đình Diệm nhằm biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới, căn cứ quân sự. |
| **Nhiệm vụ c/m** | **\* Miền Bắc**: Khôi phục kinh tế, xây dựng CNXH.  Vai trò hậu phương, quyết định nhất.  \* **Miền Nam**: K/chiến chống Mĩ, giải phóng Miền Nam.  => Vai trò tiền tuyến, quyết định trực tiếp.  \* **Cả nước**: Hoàn thành CM DTDCND; Thực hiện hòa bình, thống nhất đất nước. |
| **3. Phong trào Đồng khởi (1959-1960)** | **Hoàn cảnh** | - Cách mạng miền Nam gặp khó khăn do chính sách đàn áp, khủng bố của Mĩ – Diệm.  - 1/1959: Hội Nghị lần 15 TƯ Đảng quyết định để miền Nam: sử dụng bạo lực CM. |
| **Diễn biến** | **-** 17/1/1960: nổ ra đầu tiên ở Mỏ Cày (Bến Tre).  - Lan rộng ra Nam Bộ, Trung Trung Bộ, Tây Nguyên. |
| **Kết quả - ý nghĩa** | - Ra đời của Mặt trận dân tộc giải phóng MNVN (20/12/1960)  - Giáng đòn vào chính sách thực dân mới của Mĩ.  - Làm lung lay chính quyền Ngô Đình Diệm.  - Cách mạng miền Nam: từ giữ gìn lực lượng -> tiến công. |
| **4. Chiến tranh đặc biệt (19961-1965)** | **Chiến lược CTĐB** | - **Hoàn cảnh**: Sau thất bại của hình thức thống trị bằng chính quyền tay sai  Phạm vi: Miền Nam.  - **Âm mưu:**  + Hình thức: Chiến tranh xâm lược thực dân mới (giống các chiến lược chiến tranh khác).  + Lực lượng tiến hành: Quân đội SG (qđ tay sai)  + Vai trò của Mĩ: cố vấn chỉ huy, trang bị phương tiện c/tranh  => Âm mưu cơ bản “Dùng người Việt đánh người Việt”.  - **Thủ đoạn:**  + K/h Xtalay-taylo: bình định miền Nam 18 tháng.  + K/h Giônxơn-Mácnamara: bình định miền Nam 2 năm.  + Tăng viện trợ quân sự, cố vấn quân sự.  + Sử dụng chiến thuật “trực thăng vận, thiết xa vận  + Dồn dân lập “Ấp chiến lược”-> quốc sách, xương sống của chiến tranh đặc biệt. |
| **Chống CTĐB** | \* **Chủ trương**:  - Thành lập TƯ cục Miền Nam năm 1961.  - Quân giải phóng Miền Nam Việt Nam.  - Đấu tranh chính trị là chủ yếu kết hợp với đấu tranh vũ trang  **\* Thắng lợi**:  - Chống “bình định”:  - Chính trị:  Nông thôn: chống phá ấp chiến lược.  Thành thị: Đội quân tóc dài, Tín đồ Phật giáo (Huế, SG, ĐN)  -> Đẩy nhanh quá trình suy sụp chính quyền NĐD. Cuối 1963, Mĩ giật dây đảo chính lật đổ nhà NĐD.  - Quân sự:  + Ấp Bắc (2/1/1963): Thắng lợi mở đầu-> Phong trào “Thi đua Ấp Bắc giết giặc lập công”=> Chứng minh ta có khả năng đánh bại chiến tranh đặc biệt.  + Đông Xuân 1964-1965: Bình Giã (12/1964-Bà Rịa) => C/tr đặc biệt cơ bản bị phá sản.  + An Lão, Ba Giai, Đồng Xoài=> c/tr đ/biệt bị phá sản hoàn toàn. |

**Câu 1.** Sau khi Hiệp định Giơnevơ 1954 về Đông Dương được kí kết, Mĩ đã có hành động gì ở miền Nam?

A. Xây dựng hệ thống "Ấp chiến lược", đẩy mạnh bình định miền Nam.

B. Đưa quân các nước đồng minh của Mĩ vào miền Nam.

**C.** Dựng lên chính quyền Ngô Đình Diệm, âm mưu chia cắt lâu dài nước ta.

D. Đưa quân viễn chinh Mĩ vào miền Nam.

**Câu 2**. Ngày 16/5/1955, toán lính Pháp cuối cùng rút khỏi đảo Cát Bà (Hải Phòng), đã đánh dấu bước ngoặt gì ở miền Bắc Việt Nam?

A. Miền Bắc Việt Nam hoàn toàn giải phóng.

B. Miền Bắc Việt Nam chuẩn bị giải phóng.

C. Miền Bắc Việt Nam bắt đầu đi lên xây dựng CNXH.

D. Miền Bắc Việt Nam chuyển sang cách mạng XHCN.

**Câu 3**. Khi rút khỏi miền Nam (5/1956), Pháp **chưa** thực hiện điều khoản nào của Hiệp định Giơnevơ?

A. Ngừng bắn, lập lại hoà bình trên toàn Đông Dương.

B. Hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất hai miền Nam - Bắc.

C. Thực hiện cuộc tập kết, chuyển quân, chuyển giao khu vực.

D. Cam kết không can thiệp vào nội bộ của ba nước Đông Dương.

**Câu 4.** Đặc điểm về chính trị nổi bật của Việt Nam sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954 là

A. Đất nước bị chia cắt thành hai miền Nam – Bắc.

B. Miền Bắc hoàn toàn giải phóng.

C. Miền Nam chịu sự chiếm đóng của Mĩ – Diệm.

D. Miền Nam thực dân Anh dọn đường cho Pháp trở lại xâm lược.

**Câu 5**. Tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam (9-1960) xác định cách mạng miền Bắc đóng vai trò như thế nào trong sự nghiệp chống Mĩ, chính quyền Sài Gòn và thống nhất đất nước?

A. Hậu phương. B. Quyết định trực tiếp.

C. Quyết định nhất. D. Hỗ trợ cho miền Nam.

**Câu 6.** Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam (9-1960) của xác định cách mạng miền Nam đóng vai trò như thế nào trong sự nghiệp chống Mĩ, chính quyền Sài Gòn và thống nhất đất nước?

A. Hậu phương. B. Quyết định trực tiếp.

C. Quyết định nhất. D. Hỗ trợ cho miền Nam.

**Câu 7**. Tính chất độc đáo chưa từng có trong tiền lệ cách mạng Việt Nam thuộc giai đoạn 1954-1975 là

A. tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng khác nhau ở hai miền.

B. tiến hành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ trong cả nước.

C. tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trong cả nước.

D. chỉ tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.

**Câu 8.** Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (1- 1959) quyết định để nhân dân miền Nam sử dụng bạo lực cách mạng là vì

A. lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam đã phát triển.

B. Mĩ và chính quyền Sài Gòn phá hoại Hiệp định Giơnevơ.

C. ta không thể tiếp tục sử dụng biện pháp hòa bình được nữa.

D. miền Nam đã có lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang lớn mạnh.

**Câu 9.** Để đánh đổ ách thống trị của đế quốc Mĩ và chính quyền Sài Gòn, phương pháp đấu tranh bạo lực cách mạng lần đầu tiên được Đảng Lao Động VN đề ra tại

A. Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (1-1959).

B. Hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (7/1973).

C. Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ III (9-1960).

D. Kì họp thứ 4 Quốc hội khoá I (3-1955).

**Câu 10**. Hình thức đấu tranh của phong trào "Đồng khởi" (1959-1960) là

A. đấu tranh chính trị.

B**.** đấu tranh vũ trang, khởi nghĩa giành chính quyền.

**C.** khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa.

D. đấu tranh chính trị là chủ yếu kết hợp với đấu tranh vũ trang.

**Câu 11.** Địa phương được đánh giá tiêu biểu nhất trong phong trào “ Đồng khởi” (1959- 1960) là

A. Bình Định B. Quảng Ngãi. C. Ninh Thuận. D. Bến Tre.

**Câu 12.** Kết qủa lớn nhất của phong trào “Đồng khởi” là gì?

A. Phá vỡ từng mảng lớn bộ máy cai trị của địch.

B. Lực lượng vũ trang được hình thành và phát triển, lực lượng chính trị được tập hợp đông đảo.

C. Ủy ban nhân dân tự quản tịch thu ruộng đất của bọn địa chủ chia cho dân cày nghèo.

D. Sự ra đời của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (20/12/1960).

**Câu 13.** Ý nghĩa quan trọng nhất của phong trào “Đồng khởi” là?

A. Giáng một đòn mạnh vào chính sách thực dân mới của Mĩ ở miền Nam.

B. Làm lung lay tận gốc chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm.

C. CM miền Nam chuyển từ giữ gìn lực lượng sang tiến công.

D. Sự ra đời của mặt trận giải phóng miền Nam Việt Nam (20 – 12 – 1960).

**Câu 14**. Đối với chế độ Mĩ - Diệm ở miền Nam, thắng lợi của phong trào “Đồng khởi” (1959-1960) đã

A. làm sụp đổ hoàn toàn chế độ Ngô Đình Diệm.

B. làm suy sụp ý chí xâm lược của đế quốc Mĩ và chính quyền Sài Gòn.

C. làm thất bại hoàn toàn chính sách thực dân kiểu mới của Mĩ.

D. giáng đòn nặng vào nước Mĩ, làm lung lay tận gốc chính quyền Ngô Đình Diệm.

**Câu 15.** Đối với nhiệm vụ của cách mạng miền Bắc, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam đã xác định

A. đẩy mạnh cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. B. hoàn thành cách mạng ruộng đất.

C. khôi phục và phát triển kinh tế sau chiến tranh. D. đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa.

**Câu 16**. Đối với nhiệm vụ của cách mạng miền Nam, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam đã xác định

A. đẩy mạnh cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. B. hoàn thành cách mạng ruộng đất.

C. khôi phục và phát triển kinh tế sau chiến tranh. D. đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa.

**Câu 17**. Đế quốc Mĩ thực hiện chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961-1965) ở miền Nam Việt Nam khi

A. chính quyền Sài Gòn khủng bố, mở chiến dịch “tố cộng, diệt cộng”.

B. hình thức thống trị chỉ dựa vào chính quyền và quận đội tay sai thất bại.

C. hình thức thống trị dựa vào chính quyền và quân đội tay sai đang ổn định.

D. mâu thuẫn giữa chính quyền Mĩ và quân đội Sài Gòn đang dâng cao.

**Câu 18.** Bình định miền Nam trong 18 tháng, là nội dung của kế hoạch nào sau đây?

A.Kế hoạch Johnson Mac-namara.B. Kế hoạch Stalây –Taylo.

C. Kế hoạch Đờ-Lát Đờ-tát-Xi-nhi. D. Kế hoạch Stalây Taylo và Johnson Mac-Namara.

**Câu 19.** Nội dung nào trong kế hoạch Giôn xơn – Mac Namara chứng tỏ đó là bước lùi của Mĩ so với kế hoạch Stalay – Taylo?

A. Bình định có trọng điểm miền Nam trong vòng hai năm.

B. Tăng nhanh viện trợ quân sự cho chính quyền Sài Gòn.

C. Đẩy mạnh việc lập Ấp chiến lược.

D. Tăng nhanh lực lượng quân đội Sài Gòn và cố vấn Mĩ.

**Câu 20.** Biện pháp được Mĩ và chính quyền Sài Gòn xem như “xương sống” và được nâng lên thành “quốc sách” trong “Chiến tranh đặc biệt” là

A. tăng cường viện trợ quân sự cho Diệm. B. tăng nhanh lực lượng quân đội Sài Gòn.

C. tiến hành dồn dân lập “ấp chiến lược”. D. trang bị phương tiện chiến tranh hiện đại.

**Câu 21**. Trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961-1965), Mĩ sử dụng những chiến thuật mới là

A. “càn quét” và “bình định”. B. giành dân, cướp đất.

C. “trực thăng vận”, “thiết xa vận”. D. chinh phục từng gói nhỏ.

**Câu 22.** Lực lượng tham chiến chủ yếu trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961-1965) của Mĩ thực hiện ở Việt Nam là

A. quân đội tay sai Sài Gòn. B. quân viễn chinh Mĩ.

C. quân các nước đồng minh của Mĩ. D. liên quân Mĩ và đồng minh.

**Câu 23. Âm mưu** cơ bản của Chiến tranh đặc biệt (1961-1965) mà Mĩ áp dụng ở miền Nam VN là gì?

A. Đưa quân chư hầu vào miền Nam VN. B. Dùng người Việt đánh người Việt.

C. Đưa quân Mĩ ồ ạt vào miền Nam. D. Đưa cố vấn Mĩ ồ ạt vào miền Nam.

**Câu 24.** Chiến thắng nào dưới đây khẳng định quân dân miền Nam VN có khả năng đánh thắng “Chiến tranh đặc biệt” (1961-1965) của Mĩ?

A. Bình Giã (Bà Rịa). B. An Lão (Bình Định).

C. Ba Gia (Quảng Ngãi). D. Ấp Bắc (Mĩ Tho).

**Câu 25**. Trong cuộc đấu tranh chống “Chiến tranh đặc biệt” (1961-1965) của Mĩ, quân dân miền Nam tiến công địch bằng cả **ba mũi giáp công** là

A. chính trị, quân sự và ngoại giao. B. chính trị, văn hoá, quân sự.

C. quân sự, kinh tế, ngoại giao. D. chính trị, quân sự và binh vận.

**Câu 26**. Quân dân miền Nam chống “Chiến tranh đặc biệt” (1961-1965) trên cả **ba vùng chiến lược** là

A. rừng núi, nông thôn đồng bằng và đô thị. B. đô thị, nông thôn, miền núi và đồng bằng.

C. nông thôn đồng bằng, đô thị và đồn điền. D. nhà máy, đồn điền, khu công nghiệp.

**Câu 27**. Thắng lợi của phong trào đấu tranh chính trị ở đô thị và phong trào chống, phá “ấp chiến lược” ở nông thôn miền Nam trong cuộc đấu tranh chống “Chiến tranh đặc biệt” đã

A. làm tăng thêm mâu thuẫn giữa chính quyền Sài Gòn và đế quốc Mĩ.

B. làm phá sản chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mĩ.

C. thúc đẩy nhanh quá trình sụp đổ của chính quyền Ngô Đình Diệm.

D. làm cho chính quyền Sài Gòn khủng hoảng triền miên.

**Câu 28.** Tính đến năm 1964, từng mảng lớn “ấp chiến lược” của địch bị phá vỡ chứng tỏ

A. chiến lược “chiến tranh đặc biệt” đứng trước nguy cơ phá sản.

B. xương sống của “Chiến tranh đặc biệt” bị phá sản về cơ bản.

C. địa bản giải phóng được mở rộng.

D. phong trào đấu tranh binh vận phát triển ở miền Nam.

**Câu 29.** Những chiến thắng làm **phá sản hoàn toàn** chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ ở miền Nam Việt Nam trong những năm 1961 - 1965 là?

A. Ấp Bắc, Bình Giã, Đồng Xoài.

B. Bình Giã, Ba Gia, Núi Thành, Vạn Tường.

C. Bình Giã, An Lão, Ba Gia, Đồng Xoài.

D. Ấp Bắc, Bình Giã, An Lão, Ba Gia, Đồng Xoài.

**BÀI 22: NHÂN DÂN HAI MIỀN TRỰC TIẾP CHIẾN ĐẤU CHỐNG ĐẾ QUỐC MĨ XÂM LƯỢC. NHÂN DÂN MIỀN BẮC VỪA CHIẾN ĐẤU VỪA SẢN XUẤT (1965-1973)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **1. Chiến tranh cục bộ (1965-1968)** | **Chiến lược CTCB** | \* **Hoàn cảnh**:  - Sau thất bại của Chiến tranh đặc biệt.  - Phạm vi: Miền Nam + phá hoại Miền Bắc.  \* **Âm mưu:**  - Hình thức: Chiến tranh xâm lược thực dân mới.  - Lực lượng tiến hành : Quân Mĩ là chủ yếu, quân đồng minh, quân đội tay sai SG.  - Vai trò của Mĩ: trực tiếp tham chiến, cố vấn.  - Thủ đoạn: Hành quân “tìm diệt” vào Vạn Tường (Q.Ngãi)  Hành quân “tìm diệt”-“bình định” vào “đất thánh của Việt cộng” (2 mùa khô). |
| **Chống CTCB** | \* Chính trị: phong trào phá ấp chiến lược.  \* Quân sự:  + Vạn Tường (8/1965) => Thắng lợi mở đầu => “Tìm Mĩ mà đánh, lùng ngụy mà diệt”  + 2 mùa khô: 1965-1966 (địch đánh vào ĐNB và Liên Khu V)  1966-1967 (Gianxon xiti -> đánh căn cứ Dương Minh Châu).  + Tổng tiến công Tết Mậu Thân 1968:  - Lung lay ý chí xâm lược của Mĩ.  - Thừa nhận thất bại C/tr cục bộ -> “phi Mĩ hóa” c/tr  - Chấm dứt phá hoại MB.  - Chấp nhận đàm phán với ta ở Pari. |
| **2. Việt Nam hóa chiến tranh (1969-1973)** | **Chiến lược VN hóa chiến tranh** | \* **Hoàn cảnh** :  - Sau thất bại chiến tranh cục bộ.  - Phạm vi: Miền Nam, Đông Dương.  \* **Âm mưu:**  **-** Hình thức: Chiến tranh xâm lược thực dân mới.  - Lực lượng tiến hành: Quân đội SG là chủ yếu -> “dùng người Việt đánh người Việt”.  - Vai trò của Mĩ: Cố vấn chỉ huy, có hỗ trợ hỏa lực, ko quân, hậu cần.  - Thủ đoạn: Rút quân Mĩ, quân đồng minh; tăng quân SG  Dùng quân SG như lực lượng xung kích mở rộng xâm lược Lào, CPC -> “Dùng người ĐD đánh người ĐD”.  Hòa hoãn TQ, Liên Xô -> hạn chế sự giúp đỡ. |
| **Chống VN hóa chiến tranh** | \* **Chính trị:**  - 6/6/1969: Chính phủ CM lâm thời CHMNVN .  - 4/1970: Hội Nghị cấp cao 3 nước ĐD (Phạm Văn Đồng, Nguyễn Hữu Thọ).  - Phong trào đấu tranh của HS, SV phát triển ở đô thị lớn .  \* **Quân sự:**  - Tổng tiến công chiến lược 1972:  + 30/3/1972: ta tấn công Quảng Trị -> hướng chính.  + K/quả: 6/1972 ta chọc thủng 3 phòng tuyến mạnh (Q.Trị, T.Nguyên, ĐNB).  \* **Ý nghĩa:** Giáng đòn nặng nề vào VN hóa chiến tranh.  - Mĩ tuyên bố “Mĩ hóa” trở lại cuộc chiến tranh VN (thừa nhận thất bại của “VNH chiến tranh”). |
| **3. Chiến tranh phá hoại miền Bắc** |
| **Lần 2**  **(1969-1973)** | - Âm mưu: Cắt đứt chi viện của MB -> MN Cứu nguy cho “VN hóa chiến tranh”. Tạo thế mạnh trên bàn đàm phán tại Pari.  - Diễn biến: 16/4/1972-> Mĩ chính thức tiến hành chiến tranh phá hoại MB lần 2.  + 14/12/1972: Nichxơn phê chuẩn kế hoạch tập kích bằng B52 vào HN, Hải Phòng.  + Từ 18-29/12/1972: Mĩ mở cuộc tập kích bằng B52 (12 ngày đêm) => Giành thắng lợi quyết định, buộc ta phải kí h/định có lợi cho Mĩ  + Ta: Trận “ĐBP trên không”=> Thắng lợi q/sự quyết định, buộc Mỹ chấm dứt c/tr phá hoại MB và kí hiệp định Pari. |
| **4. Hiệp định pari (27/1/1973)** | **Nội dung** | Hoa Kỳ cam kết: + Tôn trọng độc lập, chủ quyền… của VN.  + Chấm dứt chiến tranh phá hoại M/Bắc.  + Không can thiệp công việc nội bộ của MN.  + Rút quân, hủy bỏ căn cứ quân sự.  + Góp phần hàn gắn vết thương chiến tranh.  Hai bên: + Ngừng bắn.  + Trao trả tù binh, dân thường.  Miền Nam: Tự quyết định tương lai chính trị = tổng tuyển cử  Thực tế có 2 chính quyền: C/quyền CM và CQ SG, 2 quân đội, 2 vùng kiểm soát, 3 lực lượng chính trị (CM,SG,trung gian) |
| **Ý nghĩa** | - Là thắng lợi: quân sự, chính trị , ngoại giao.  - Là kết quả đấu tranh của nhân dân 2 miền.  - Mở ra bước ngoặt của cuộc k/chiến chống Mĩ.  - Mĩ công nhận các quyền dân tộc cơ bản…  - Mĩ rút quân về nước => tạo điều kiện giải phóng MNam.  => Thắng lợi của Hiệp định Pari 1973 đã hoàn thành nhiệm vụ “đánh cho Mĩ cút”. |

**Câu 1.** Lực lượng giữ vai trò quan trọng và không ngừng tăng lên về số lượng và trang bị trong “Chiến tranh cục bộ” (1965-1968) của Mĩ ở miền Nam VN là lực lượng nào?

A. Lực lương quân ngụy. B. Lực lượng quân viễn chinh Mĩ.

C. Lực lượng quân chư hầu. D. Lực lượng quân ngụy và chư hầu.

**Câu 2**. Trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, quân đồng minh của Mĩ tham gia ở miền Nam Việt Nam gồm

A. Hàn Quốc, Thái Lan, Anh, Pháp, Niu Dilân.

B. Philíppin, Ôxtrâylia, Niu Dilân, Anh, Pháp.

C. Hàn Quốc, Thái Lan, Philíppin, Ôxtrâylia, Niu Dilân.

D. Anh, Hàn Quốc, Thái Lan, Philíppin, Ôxtrâylia.

**Câu 3.** Lực lượng quân đội được Mĩ sử dụng trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ” là

A. lực lượng quân đội viễn chinh Mĩ và chư hầu.

B. trang bị vũ khí phương tiện chiến tranh hiện đại.

C. lực lượng quân đội viễn chinh Mĩ, chư hầu và quân đội Sài Gòn.

D. quân đội Sài Gòn và quân các nước Đông Dương.

**Câu 4**. Khi thực hiện chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, Mĩ đưa quân Mĩ và đồng minh Việt Nam nhằm

A. thay quân đội Sài Gòn tham chiến trên chiến trường.

B. tạo ưu thế về binh lực, hoả lực áp đảo quân chủ lực của ta.

C. ngăn chặn chủ nghĩa xã hội ở Đông Nam Á.

D. Chuẩn bị những hoạt động phá hoại miền Bắc.

**Câu 5**. Một trong những thủ đoạn Mĩ sử dụng trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ” (1965-1968) ở Việt Nam là

A. mở các cuộc hành quân “tìm diệt” và “bình định”.

B. dồn dân lập ấp chiến lược.

C. bình định miền Nam trong 18 tháng.

D. phong tỏa biên giới để ngăn chặn sự chi viện cho miền Nam.

**Câu 6**. Địa bàn thực hiện chiến lược “Chiến tranh cục bộ” (1965-1968) của Mĩ là

A. miền Nam, mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc và Campuchia.

B. miền Nam, mở rộng chiến tranh phậ hoại miền Bắc và Lào.

C. miền Nam, phá hoại miền Bắc bằng biệt kích và gián điệp.

D. miền Nam và mở rộng phá hoại miền Bắc bằng không quân và hải quân.

**Câu 7**. Điểm chung trong các chiến lược quân sự kiểu mới của Mĩ ở miền Nam Việt Nam (1954 - 1975)

A. thực hiện âm mưu “dùng người Việt, đánh người Việt.”

B. đưa quân Mĩ và quân đồng minh thay thế quân đội Sài Gòn.

C. dựa vào bộ máy chính quyền và quân đội Sài Gòn.

D. sử dụng chính quyền Sài Gòn để áp bức chính trị, bóc lột kinh tế.

**Câu 8**. Trận thắng mở đầu cao trào “Tìm Mĩ mà đánh, lùng ngụy mà diệt” được dấy lên trên khắp miền Nam là

A. Vạn Tường (Quảng Ngãi). B. Ấp Bắc (Mĩ Tho).

C. Hoà Vang (Quảng Nam). D. Chu Lai (Quảng Nam).

**Câu 9**. Ý nghĩa chiến lược của trận thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi) ngày 18/8/1965 là

A. làm lung lay ý chí xâm lược của Mĩ và quân đồng minh của Mĩ.

B. đánh dấu sự thất bại của chiến lược “Chiến tranh cục bộ”.

C. chứng tỏ khả năng đánh thắng chiến lược “Chiến tranh cục bộ”.

D. tạo ra bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước.

**Câu 10**. Điểm mới trong phong trào đấu tranh ở đô thị chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ” (1965 - 1968) so với phong trào đấu tranh ở đô thị chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt (1961 - 1965) là

A. sự tham gia của đông đảo tín đồ Phật giáo và “đội quân tóc dài”.

B. sự tham gia của đông đảo học sinh, sinh viên, tín đồ Phật giáo.

C. kết quả các cuộc đấu tranh làm rung chuyển chính quyền Sài Gòn.

D. mục tiêu đấu tranh đòi Mĩ rút về nước, đòi tự do dân chủ.

**Câu 11**. Mặc dù có những tổn thất và hạn chế, nhưng cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân (1968) đã buộc Mĩ phải tuyên bố

A. “Việt Nam hoá” chiến tranh xâm lược. B. “Phi Mĩ hoá” chiến tranh xâm lược.

C. “Mĩ hoá” trở lại chiến tranh xâm lược. D. “Đông Dương hoá” chiến tranh xâm lược.

**Câu 12.** Một trong những ý nghĩa quan trọng của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân (1968)

A. góp phần quyết định vào thắng lợi của nhân dân miền Nam chống Mĩ.

B. đập tan âm mưu chia rẽ ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia chống Mĩ.

C. làm lung lay ý chí xâm lược của Mĩ, mở ra bước ngoặt cho cuộc kháng chiến.

D. tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân ta giải phóng hoàn toàn miền Nam.

**Câu 13**. Trong thời kì kháng chiến chống Mĩ, cứu nước (1954 - 1975), sau sự kiện nào Mĩ phải đến bàn đàm phán Pari để bàn về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam?

A. Sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968.

B. Sau cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc Việt Nam lần thứ nhất.

C. Sau Hội nghị cấp cao Việt Nam - Lào - Campuchia năm 1970.

D. Sau cuộc Tiến công chiến lược xuân - hè năm 1972 trên toàn miền Nam.

**Câu 14.** Nội dung nào dưới đây là một trong những điểm **khác nhau** giữa chiến lược “Chiến tranh cục bộ” và “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ ở Việt Nam?

A. sử dụng vũ khí hiện đại của Mĩ.

B. tổ chức nhiều cuộc tấn công vào quân giải phóng.

C. quân Mĩ và quân đồng minh Mĩ trực tiếp tham chiến.

D. Mỹ giữ vai trò cố vấn.

**Câu 15**. Về biện pháp thực hiện, chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” và chiến lược “Chiến tranh cục bộ” đều giống nhau ở chỗ

A. sử dụng viện trợ kinh tế, quân sự của quân đồng minh.

B. kêu gọi sự hỗ trợ của các nước đồng minh và thực hiện chính sách bình định.

C. sử dụng viện trợ của phương Tây, thực hiện chính sách “bình định”.

D. sử dụng kinh tế, quân sự của Mĩ, thực hiện chính sách “bình định”.

**Câu 16**. Mĩ thực hiện “Việt Nam hoá chiến tranh” nhằm

A. tận dụng xương máu người Việt Nam, rút dần quân Mĩ về nước.

B. tạo điều kiện phát huy vai trò của quân đội Sài Gòn trên chiến trường.

C. từng bước thoát khỏi cuộc chiến tranh ở Việt Nam.

D. tập trung toàn lực lượng quân Mĩ xâm lược Lào và Cmapuchia.

**Câu 17**. Từ năm 1972, Mĩ dùng thủ đoạn ngoại giao để cô lập cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam như thế nào?

A. Tăng cường sự tham gia của các nước Đông Nam Á và tổ chức SEATO.

B. Thực hiện sách lược hoà hoãn với hai nước xã hội chủ nghĩa lớn.

C. Phong tỏa biên giới, biển đảo, ngăn liên lạc của ta với nước ngoài.

D. Viện trợ cho Lào, Campuchia gây chia rẽ giữa ba nước Đông Dương.

**Câu 18.**Âm mưu cơ bản của chiến lược “Việt Nam hóa” chiến tranh là

A. dựa vào ưu thế quân sự để giành thắng lợi.

C. tiếp tục âm mưu “dùng người Việt đánh người Việt”.

B. lấy chiến tranh nuôi chiến tranh.

D. thực hiện chính sách xâm lược thực dân mới ở Việt Nam.

**Câu 19**. Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam ra đời (6/6/1969) ra đời có ý nghĩa?

A. Cuộc kháng chiến của Việt Nam được nhân dân tiến bộ thế giới ủng hộ.

B. Mĩ đã bị thất bại trên phương diện đấu tranh ngoại giao.

C. Tạo thế cân bằng về so sánh lực lượng giữa cách mạng và phản cách mạng.

D. Chính phủ hợp pháp, đại diện cho nhân dân miền Nam.

**Câu 20**. Sự kiện biểu thị quyết tâm đoàn kết chiến đấu chống chiến lược “Đông Dương hóa chiến tranh” của nhân dân Việt Nam - Lào - Campuchia là

A. Hội nghị cấp cao ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia.

B. sự phối hợp chống 4,5 vạn quân Mĩ và quân đội Sài Gòn xâm lược Lào.

C. cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai của Mĩ.

D. Việt Nam và Campuchia phối hợp chống 10 vạn quân Mĩ và quân đội Sài Gòn.

**Câu 21**. Để mở đầu cho cuộc tổng tiến công chiến 1972, quân ta đã tấn công vào nơi nào?

A. Tây Nguyên. B. Đông Nam Bộ. C. Nam Trung Bộ. D. Quảng Trị.

**Câu 22.** Cuộc Tiến công chiến lược năm 1972, ta đã chọc thủng 3 phòng tuyến quan trọng của địch là:

A. Quảng Trị, Quảng Nam, Tây nguyên. B. Quảng Nam, Tây nguyên, Đông Nam Bộ.

C. Quảng Trị, Bình Thuận, Tây nguyên. D. Quảng Trị, Tây nguyên, Đông Nam Bộ.

**Câu 23.** Thắng lợi đã giáng đòn nặng nề vào chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, buộc Mĩ phải tuyên bố **“Mĩ hóa”** trở lại cuộc chiến tranh xâm lược nước ta?

A. Chiến thắng Vạn Tường (1965).

B. Chiến thắng Mậu Thân 1968.

C. Chiến thắng hai mùa khô (1965-1966) và (1966-1967).

D. Chiến thắng Tiến công chiến lược năm 1972.

**Câu 24**. Trong 12 ngày đêm cuối năm 1972, Mĩ mở cuộc tập kích đường không bằng máy bay B52 vào Hà Nội, Hải Phòng nhằm

A. giành một thắng lợi quân sự, hỗ trợ cho mưu đồ chính trị - ngoại giao mới.

B. giành thắng lợi quân sự quyết định, buộc ta phải kí hiệp định có lợi cho Mĩ

C. làm suy yếu lực lượng của ta, giúp quân đội Sài Gòn tự đứng vững.

D. giành thắng lợi quân sự quyết định, đưa miền Bắc quay về thời kì đồ đá.

**Câu 25.**Thắng lợi lớn nhất của quân và dân miền Bắc trong trận “Điện Biên Phủ trên không” (1972) là

A. buộc Mĩ phải tuyên bố ngừng ném bom phá hoại miền Bắc.

B. buộc Mĩ kí Hiệp định Pa-ri chấm dứt chiến tranh, rút quân về nước.

C. đánh bại âm mưu phá hoại công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc.

D. đánh bại âm mưu ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc cho miền Nam.

**Câu 26.** Nội dung nào **không** phải là ý nghĩa của Hiệp định Pari năm 1973 về Việt Nam?

A. Là văn bản pháp lí quốc tế đầu tiên ghi nhận quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam.

B. Mở ra bước ngoặt mới của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

C. Là thắng lợi của cuộc đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao.

D. Tạo ra thời cơ thuận lợi để nhân dân Việt Nam tiến lên giải phóng miền Nam.

**Câu 27**. Nguồn chi viện cùng với những thành quả chiến đấu và sản xuất của quân dân miền Bắc trong cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước (1954 - 1975) có ý nghĩa

A. góp phần quyết định vào thắng lợi của quân dân miền Nam.

B. góp phần củng cố và tăng cường khối đoàn kết hai miền Nam - Bắc.

C. là nguồn động viên về tinh thần đối với nhân dân miền Nam.

D. làm suy yếu kẻ thù dân tộc, tạo thời cơ cho cuộc kháng chiến ở miền Nam.

**Câu 28**. Quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam được ghi nhận trong Hiệp định Pari (22/l/1973) là

A. quốc gia tự do, có chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính riêng.

B. độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, Lào, Campuchia.

C. độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

D. độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của miền Nam Việt Nam.

**Câu 29.** Với việc Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam được kí kết, nhân dân ta đã hoàn thành cơ bản nhiệm vụ

A. thống nhất đất nước. B. giải phóng dân tộc.

C. “đánh cho ngụy nhào”. D. “đánh cho Mĩ cút”.

**Câu 30.** Cho các sự kiện sau:

1. Chiến thắng Vạn Tường.

2. Trận “Điện Biên Phủ trên không”

3. Hiệp định Pa-ri được kí kết.

4. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân.

Sắp xếp theo thứ tự đúng về thời gian là:

A. 1,2,3,4. B. 1,3,2,4.  C. 1, 4, 2,3.  D. 2, 4, 1, 3.

**Bài 23: KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC, GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN MIỀN NAM (1973 – 1975)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **1. Miền Nam đấu tranh chống “Bình định – lấn chiếm”** | **HN lần 21 BCH TƯ Đảng (7/1973)** | - Kẻ thù là ĐQ Mĩ – tập đoàn Nguyễn Văn Thiệu.  - Nhiệm vụ: tiếp tục CM dân tộc dân chủ nhân dân = bạo lực CM.  - Đấu tranh trên 3 mặt trận: quân sự, chính trị, ngoại giao. |
| **Cuối 1974 đầu 1975** | - Cuối 1974 – đầu 1975: ta mở hoạt động quân sự ở ĐB SCL và ĐNB  ->Thắng lợi Phước Long (6/1/1975) .  - Ý nghĩa: Cho thấy khả năng thắng lợi của ta;  Suy yếu, bất lực của quân đội SG;  Khả năng can thiệp trở lại = quân sự của Mĩ rất hạn chế. |
| **2. Giải phóng hoàn toàn miền Nam** | **Chủ trương giải phóng miền Nam** | \* **Cơ sở:** Khách quan: so sánh lực lượng thay đổi (Mĩ rút quân sau Hiệp định Pari).  Chủ quan: Chiến thắng Phước Long (6/1/1975).  \* **Chủ trương**:  - Đề ra kế hoạch giải phóng MN trong 2 năm 1975-1976.  - “Cả năm 1975 là thời cơ”.  - Nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối 1975 -> g/p trong 1975. |
| **tiến công và nổi dậy Xuân 1975** | **1. Chiến dịch Tây Nguyên (4/3 -24/3/1975)**  - Tây Nguyên có vị trí chiến lược nhưng lực lượng địch mỏng.  - Diễn biến: 4/3: ta đánh nghi binh Playku – KomTum.  10/3: ta tiến công Buôn Mê Thuột -> Thắng lợi.  12/3: địch phản công chiếm BMThuột -> thất bại.  14/3: địch rút khỏi Tây Nguyên.  24/3: Tây Nguyên giải phóng.  - Ý nghĩa: từ tiến công chiến lược sang tổng tiến công chiến lược trên toàn miền Nam.  **2. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng (21/3 – 29/3/1975)**  **-** 21/3: ta tấn công Huế.  - 26/3: giải phóng Huế - tỉnh Thừa Thiên.  - 29/3: tiến công, giải phóng Đà Nẵng.  Ý nghĩa: Gây tâm lý tuyệt vọng cho quân SG-> Cuộc tổng tiến công phát triển mạnh.  **3. Chiến dịch HCM (26/4 – 30/4/1975)**  \* Hoàn cảnh: Sau thắng lợi của c/d Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng.  Quyết định g/phóng MN trước mùa mưa (5/1975).  Chiến dịch giải phóng SG – Gia Định tên là C/dịch HCM.  \* Diễn biến:  - 17h ngày 26/4: Chiến dịch bắt đầu -> 5 cánh quân tiến vào SG.  - 30/4: 10h45’-> tiến vào Dinh Độc Lập bắt sống Nội các SG, Dương Văn Minh đầu hàng.  - 11h30: Cờ CM tung bay trên Dinh Độc lập-> C/d HCM toàn thắng.  \* Ý nghĩa: Tạo điều kiện ta giải phóng các tỉnh còn lại của MN. 2/5/1975: MN hoàn toàn giải phóng. |
| **3. Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc k/c chống Mĩ** | **Nguyên nhân** | \* **Nguyên nhân:** Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng (Chủ tịch HCM) với đường lối đúng đắn, sáng tạo – cơ bản, quan trọng nhất.  - Nhân dân giàu lòng yêu nước, chiến đấu dũng cảm  - Hậu phương miền Bắc vững mạnh  - Sự phối hợp chiến đấu, giúp đỡ của 3 nước Đông Dương  - Sự đồng tình, giúp đỡ của các nước XHCN, lực lượng dân chủ trên TG. |
| **Ý nghĩa** | **\* Ý nghĩa:** Kết thúc 21 năm chống Mĩ, 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc chấm dứt sự thống trị của chủ nghĩa đế quốc.  - Hoàn thành CM DTDCND trong cả nước.  - Kỉ nguyên độc lập, thống nhất, đi lên CNXH Cổ vũ PT CMTG.  - Tác động đến nước Mỹ - thế giới.  => “Thắng lợi đó mãi mãi ghi vào LS dân tộc ta một trong những trag chói lọi nhất, đi vào LSTG như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng to lớn và có tính thời đại sâu sắc”. |

**Câu 1.** Toán lính Mĩ cuối cùng rút khỏi nước ta ngày 29/3/1973 có ý nghĩa như thế nào đối với cách mạng miền Nam?

A. Hoàn thành nhiệm vụ “đánh cho Mĩ cút”.

B. Quân Mĩ không còn tham chiến ở miền Nam.

C. Chính quyền Sài Gòn không còn nhận được sự viện trợ từ Mĩ.

D. Là cơ hội để giải phóng hoàn toàn miền Nam.

**Câu 2.** Kẻ thù của cách mạng miền Nam được xác định trong Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 21 tháng 7 năm 1973 là

A. chính quyền Sài Gòn và Ngô Đình Diệm.

B. chính quyền Nguyễn Văn Thiệu và bọn phản động.

C. đế quốc Mĩ và tập đoàn Nguyễn Văn Thiệu.

D. chính quyền phản động miền Nam và Mĩ.

**Câu 3.** Hội nghị lần thứ 21 của Ban Chấp hành Đảng Lao động Việt Nam (7/1973) đề ra chủ trương nào sau đây?

A. Xóa bỏ cơ chế quản lí kinh tế tập trung. B. Xóa bỏ cơ chế quản lí kinh tế bao cấp.

C. Phát triển kinh tế nhiều thành phần. D. Tiếp tục con đường cách mạng bạo lực.

**Câu 4.** Hội nghị lần thứ 21 (7/1973) của Ban Chấp hành Đảng Lao động Việt Nam khẳng định phải tiếp tục con đường bạo lực cách mạng là do

A. các lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam đã phát triển.

B. đã có lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang lớn mạnh.

C. Mĩ và chính quyền Sài Gòn phá hoại Hiệp định Pari.

D. vùng giải phóng của cách mạng ở miền Nam càng bị thu hẹp.

**Câu 5.** Nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Việt Nam được Hội nghị lần thứ 21 (7/1973) của Ban Chấp hành Đảng Lao động Việt Nam xác định là

A. giải phóng miền Nam trong năm 1975.

B. chỉ đấu tranh chính trị để thống nhất đất nước.

C. tiếp tục cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

D. tiến hành cách mạng ruộng đất.

**Câu 6.** Tháng 1-1975, quân dân Việt Nam đã giành thắng lợi trong chiến dịch nào?

A. Đường 9-Nam Lào. B. Huế - Đà Nẵng.

C. Tây Nguyên. D. Đường 14-Phước Long.

**Câu 7.** Thắng lợi nào có tác dụng củng cố thêm quyết tâm của Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam trong việc đề ra chủ trương giải phóng hoàn toàn miền Nam trong hai năm 1975 và năm 1976 ?

A. Trận Điện Biên Phủ trên không năm 1972. B. Chiến thắng Tây Nguyên (1975).

C. Chiến dịch đường 14-Phước Long (1974). D. Hiệp định Pari được kí 1973.

**Câu 8.** Nội dung nào dưới đây phản ánh đúng giá trị của chiến thắng đường số 14 Phước Long (6/1/1975) của quân dân Việt Nam đối với việc củng cố quyết tâm hoàn thành kế hoạch giải phóng miền Nam?

A. Trận mở màn chiến dịch. B. Trận trinh sát chiến lược.

C. Trận nghi binh chiến lược. C. Trận tập kích chiến lược.

**Câu 9.** Trong chủ trương kế hoạch giải phóng miền Nam, luận điểm nào thể hiện sự đúng đắn, linh hoạt trong lãnh đạo cách mạng của Đảng ta?

A. Đề ra kế hoạch giải phóng niềm Nam trong hai năm 1975,1976.

B. Xác định cả năm 1975 là thời cơ.

C. Nếu thời cơ đến đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam ngay trong năm 1975.

D. Tranh thủ thời cơ đánh nhanh thắng nhanh để đỡ thiệt hại về người và của cho nhân dân.

**Câu 10.** Điều kiện thuận lợi để cuối năm 1974 đầu 1975 Bộ chính trị TƯ Đảng Lao Động Việt Nam đề ra chủ trương, kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam là

A. so sánh lực lượng ở miền Nam thay đổi mau lẹ có lợi cho cách mạng.

B. miền Bắc hoàn thành cuộc cách mạng XHCN.

C. Mĩ rút toàn bộ lực lượng ra khỏi lãnh thổ VN.

D. Mĩ không còn viện trợ kinh tế, quân sự cho chính quyền Sài Gòn.

**Câu 11.** Vì sao Bộ chính trị quyết định chọn Tây Nguyên mở màn cuộc tấn công trong năm 1975?

A. Tây Nguyên là địa bàn chiến lược quan trọng mà địch yếu.

B. Lực lượng địch tập trung quân đông và mạnh.

C. Tây Nguyên là địa bàn thuận lợi cho tác chiến của ta.

D. Tây Nguyên là cơ sở, căn cứ địa của ta.

**Câu 12.** Trận then chốt mở màn cho chiến dịch Tây Nguyên (1975) là ở

A. Kon Tum. B. Gia Lai. C. Buôn Ma Thuột. D. Pleiku.

**Câu 13.** Chiến thắng nào của nhân dân Việt Nam trong năm 1975 đã chuyển cách mạng miền Nam từ cuộc tiến công chiến lược sang tổng tiến công chiến lược?

A. Phước Long. B. Tây Nguyên. C. Huế -Đà Nẵng. D. Quảng Trị.

**Câu 14.** Khi chiến dịch Tây Nguyên đang diễn ra thì Đảng ta đã quyết định mở chiến dịch nào?

A. Chiến dịch giải phóng Quảng Trị. B. Chiến dich đường số 14 Phước Long.

C. Chiến dịch Huế-Đà Nẵng.D. Chiến dịch Hồ Chí Minh.

**Câu 15.** Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975, Đà Nẵng – thành phố lớn thứ hai ở miền Nam, là

A. trung tâm kinh tế, văn hóa lớn nhất của chính quyền Sài Gòn.

B. trung tâm kinh tế, chính trị, và văn hóa của chính quyền Sài Gòn.

C. căn cứ quân sự liên hợp lớn nhất của quân đội Sài Gòn.

D. căn cứ hải quân lớn nhất của quân đội Sài Gòn.

**Câu 16.** “Phải tập trung nhanh nhất lực lượng, binh khí kĩ thuật và vật chất giải phóng miền Nam trước mùa mưa 1975". Quyết định này ra đời khi

A. chiến dịch Huế Đà Nẵng và chiến dịch Tây Nguyên chuẩn bị bắt đầu.

B. chiến dịch Tây Nguyên và chiến dịch Huế - Đà Nẵng sắp thắng lợi.

**C**. chiến dịch Tây Nguyên và chiến dịch Huế - Đà Nẵng giành thắng lợi.

D. chiến dịch Hồ Chí Minh và chiến dịch Tây Nguyên kết thúc thắng lợi.

**Câu 17.** Ngày 14/4/1975, Bộ Chính trị quyết định lấy tên Chiến dịch Hồ Chí Minh là chiến dịch giải phóng

A. Biên Hoà. B. Phan Rang. C. Sài Gòn - Gia Định. D. Xuân Lộc.

**Câu 18.** Trước khi bắt đầu chiến dịch giải phóng Sài Gòn - Gia Định, ta tấn công căn cứ bảo vệ Sài Gòn ở phía Đông là

A. Xuân Lộc và Phan Rang. B. Xuân Lộc và Biên Hoà.

C. Phan Rang và Phan Thiết. D. Ninh Thuận và Biên Hoà.

**Câu 19.** Trong chiến dịch Hồ Chí Minh (1975), địa bàn tác chiến của các lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam là

A. rừng núi. B. đô thị. C. đồng bằng. D. trung du.

**Câu 20.** Sự kiện nào đánh dấu cuộc kháng chiến chống Mĩ 1954-1975 toàn thắng?

A. Tổng thống Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng (30/4/1975).

B. Quân ta tiến vào Dinh Độc lập (30/4/1975).

**C**. Lá cờ cách mạng tung bay trên nóc Dinh Độc lập (30/4/1975).

D. Châu Đốc được giải phóng 2/5/1975.

**Câu 21.** Tỉnh cuối cùng được giải phóng ở miền Nam trong năm 1975 là

A. Hà Tiên. B. Châu Đốc. C. Vĩnh Long. D. Đồng Nai Thượng.

**Câu 22.** Chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) và chiến dịch Hồ Chí Minh (1975) đều

A. có sự kết hợp nổi dậy của quần chúng. B. có sự điều chỉnh phương châm tác chiến.

C. tiêu diệt mọi lực lượng của đối phương. D. là những trận quyết chiến lược.

**Câu 23.** Một trong những điểm khác nhau giữa chiến dịch Hồ Chí Minh (1975) và chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) ở Việt Nam là về

A. sự huy động cao nhất về lực lượng. B. kết cục quân sự.

**C.** địa bàn mở chiến dịch. D. quyết tâm giành thắng lợi

C**âu 24.** Trong chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975, lực lượng chính trị giữ vai trò

A. hỗ trợ lực lượng vũ trang. B. quyết định thắng lợi.

C. nòng cốt. D. xung kích.

**Câu 25.** Nguyên nhân nào có tính chất quyết định đưa tới thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước?

A. Nhân dân ta có truyền thống yêu nước nồng nàn.

B. Sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng.

C. Có hậu phương vững chắc ở miền Bắc xã hội chủ nghĩa.

D. Sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa.

**Câu 26.** Sắp xếp các sự kiện dưới đây theo trình tự thời gian:

1. Cuộc tổng tiến công Xuân Mậu Thân; 2. Chiến dịch Hồ Chí Minh;

3. Chiến dịch Tây Nguyên; 4. Hiệp định Pari được kí.

A. 1, 4, 3, 2. B. 1, 3, 4, 2. C. 1, 2, 3, 4. D. 1, 3, 2, 4.

**Câu 27.** Sự kiện nào dưới đây đã kết thúc 21 năm kháng chiến chống Mĩ cứu nước, 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ thành quả Cách mạng tháng Tám năm 1945?

A. Cuộc Tiến công chiến lược năm 1972. B. Chiến thắng Điện Biên Phủ (1954).

C. Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 về Đông Dương. D. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy xuân 1975.

**Câu 28.** Thắng lợicủa cuộc kháng chiến chống Mĩ có tác dụng như thế nào đối với phong trào cách mạng thế giới?

A. Là biểu tượng của phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

B. Là thời cơ cho các nước thuộc địa đứng lên giành độc lập dân tộc.

C. Cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

D. Ảnh hưởng đến cách mạng Lào và Campuchia.

**Câu 29.** Điểm chung của các chiến lược chiến tranh do Mĩ tiến hành ở miền Nam Việt Nam trong thời kì 1954-1975 là

A. dựa vào quân đội các nước thân Mĩ. B. Kết hợp với ném bom phá hoại miền Bắc.

C. dựa vào lực lượng quân sự Mĩ. D. có sự tham chiến của quân Mĩ.

**Câu 30.** Bài học kinh nghiệm nào trong chống Pháp 1945-1954 được Đảng tiếp tục vận dụng trong kháng chiến chống Mĩ?

A. Kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị và dân vận.

B. Kết hợp sức mạnh dân tộc và thời đại, trong nước và quốc tế.

C. Tranh thủ sự đồng tình của dư luận quốc tế.

D. Tăng cường đoàn kết trong nước và thế giới.

**Câu 31.** Điểm tương đồng Hiệp định Giơnevơ 1954 và Hiệp định Pari 1973 là

A. là văn bản mang tính pháp lí quốc tế công nhận quyền tự do của nhân dân Việt Nam.

B. Có sự tham gia các nước Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc.

C. Thỏa thuận ngừng bắn, tập kết chuyển quân.

D. Các nước cam kết tôn trọng quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam.

**Câu 32.** Cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1954-1975) của nhân dân Việt Nam thắng lợi là một sự kiện có tầm quốc tế to lớn, có tính thời đại sâu sắc vì đã

A. giáng đòn mạnh mẽ vào âm mưu nô dịch của chủ nghĩa thưc dân.

B. tạo ra tác động cơ bản làm sụp đổ trật tự hai cực Ian ta.

C. tạo nên cuộc khủng hoảng tâm lí sâu sắc đối với các cựu binh Mĩ.

B. dẫn đến khủng hoảng kinh tế chính trị nghiêm trọng ở Mĩ.

**Câu 33.** Điểm chung của cách mạng tháng Tám năm 1945, kháng chiến chống thực dân Pháp (1946-1954), và kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1954-1975) ở Việt Nam là có sự kết hợp

A. đấu tranh chính trị, quân sự và ngoại giao.

B. lực lượng chính trị với lực lượng vũ trang.

C. chiến trường chính và vùng sau lưng địch.

D. của lực lượng vũ trang ba thứ quân.

**Câu 34.** Cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1954-1975) của nhân dân Việt Nam thắng lợi là một sự kiện có tầm quốc tế to lớn, có tinh thời đại sâu sắc vì đã

A. giáng đòn mạnh mẽ vào âm mưu nô dịch của chủ nghĩa thưc dân.

B. tạo ra tác động cơ bản làm sụp đổ trật tự hai cực Ian ta.

C. tạo nên cuộc khủng hoảng tâm lí sâu sắc đối với các cựu binh Mĩ.

B. dẫn đến khủng hoảng kinh tế chính trị nghiêm trọng ở Mĩ.

**Câu 35.** Quá trình kết thúccuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) và kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1954-1975) của nhân dân Việt Nam có điểm gì khác nhau?

A. Kết hợp giữa sức mạnh truyền thống với sức mạnh hiện tại.

B. Cách thức kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh ngoại giao.

C. Huy động mọi nguồn lực để tạo nên sức mạnh giành thắng lợi.

D. Lấy đấu tranh quân sự làm yếu tố quyết định thắng lợi.

**Bài 24: VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU SAU THẮNG LỢI**

**CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MĨ, CỨU NƯỚC NĂM 1975**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **1. Tình hình nước ta sau 1975** | MB: Đạt thành tựu trong xây dựng CNXH.  Bị c/tranh phá hoại của Mĩ tàn phá.  MN : Hoàn toàn g/phóng.  C/tranh của Mĩ để lại hậu quả nặng nề. | |
| **II. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước** | **Hoàn cảnh** | - Sau 1975:  + Đất nước thống nhất về lãnh thổ.  + Mỗi miền có 1 nhà nước riêng (Miền Nam ko có Quốc hội, chỉ có Chính phủ CM lâm thời)  + Nguyện vọng của nhân dân: mong muốn có 1 nhà nước thống nhất  - H/nghị Đảng lần 24 đề ra n/vụ: thống nhất đất nước về mặt nhà nước  (là n/vụ hàng đầu của CMVN sau 1975). |
| **Tiến trình thống nhất** | - 11/1975: Hội nghị hiệp thương thống nhất đất nước (S.Gòn)  - 25/4/1976: Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung cả nước (492 đb).  (Tôn Đức Thắng - Chủ tịch nước, Lê Duẩn - Tổng Bí Thư, Phạm Văn Đồng - Thủ tướng).  - 24/6 – 3/7/1976: Quốc hội khóa VI (Hà Nội).  Thông qua chính sách đối nội đối ngoại: Đặt tên nước là CHXHCNVN, thủ đô Hà Nội, Quốc huy, quốc kỳ, quốc ca…  Bầu các cơ quan, Ban dự thảo Hiến Pháp…. |
| **Ý nghĩa** | - Việc thống nhất đất nước về mặt nhà nước đã hoàn thành. Tạo điều kiện thống nhất về chính trị, tư tưởng, kinh tế, văn hóa, xh….  - Tạo điều kiện chính trị cơ bản phát huy sức mạnh toàn diện đất nước, tạo đk thuận lợi cả nước đi lên CNXH.  - Tạo khả năng to lớn bảo vệ Tổ quốc và mở rộng quan hệ với các nước trên thế giới. |

**Câu 1.** Sau đại thắng mùa Xuân 1975, nhiệm vụ cấp thiết hàng đầu của cả nước ta là

A. khắc phục hậu quả chiến tranh và phát triển kinh tế.

B. ổn định tình hình chính trị, xã hội ở miền Nam.

C. hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

D. mở rộng quan hệ giao lưu với các nước.

**Câu 2**. Việt Nam thực hiệnthống nhất đất nước về mặt nhà nước ngay sau đại thắng mùa Xuân 1975 vì

A. muốn tạo sức mạnh tổng hợp để tham gia xu thế toàn cầu.

B. đó là một điều khoản phải thi hành của Hiệp định Pari.

C. phải hoàn thành triệt để cuộc cách mạng giải phóng dân tộc.

D. đó là ý chí nguyện vọng thiết tha của toàn dân tộc.

**Câu** **3.** Thuận lợi cơ bản nhất của đất nước sau 1975 là

A. nhân dân phấn khởi với chiến thắng vừa giành được.

B. có miền Bắc xây dựng XHCN, miền Nam hoàn toàn giải phóng.

C. đất nước được độc lập, thống nhất.

D. các nước XHCN tiếp tục ủng hộ.

**Câu 4**. Sau Đại thắng mùa Xuân năm 1975, Việt Nam phải thực hiện nhiệm vụ thống nhất đất nước về mặt nhà nước là do

A. Mĩ vẫn có ý đồ quay lại thống trị miền Nam bằng hình thức thực dân mới.

B. mỗi miền có hình thức tổ chức nhà nước khác nhau, gây cản trở sự phát triển chung.

C. xu thế thống nhất đất nước đang diễn ra ở nhiều khu vực.

D. phải tiếp tục xây dựng nhà nước của nhân dân Việt Nam.

**Câu 5.** Hội nghị nào đã đề ra nhiệm vụ hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước?

A. Hội nghị Hiệp thương chính trị tổ chức tại Sài Gòn.

B. Hội nghị lần thứ 24 BCH TƯ Đảng (9/1975).

C. Hội nghị lần thứ 21 BCH TƯ Đảng (7/1973).

D. Hội nghị TƯ lần thứ 15 (1/1959).

**Câu 6.** Từ ngày 15 đến 21-11-1975, Hội nghị hiệp thương chính trị thống nhất đất nước tại Sài Gòn, đã nhất trí hoàn toàn các vấn đề gì?

A. Lấy tên nước là nước Cộng hòa chủ nghĩa xã hội Việt Nam.

B. Chủ trương, biện pháp nhằm thống nhất đất nước về mặt Nhà nước.

C. Quốc kì là cờ đỏ sao vàng, Quốc ca là bài Tiến quân ca.

D. Đổi tên Thành phô Sài Gòn-Gia Định là TP. Hồ Chí Minh.

**Câu 7**. Sự kiện nào đánh dấu việc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước ở Việt Nam?

A. Đại thắng mùa Xuân năm 1975. B. Tổng tuyển cử bầu quốc hội khóa VI.

C. Kì họp thứ nhất quốc hội khóa VI. D. Hiệp định Pari được kí kết.

**Câu 8**. Kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa VI (24/6-3/7/1976) nước Việt Nam thống nhất quyết định tên nước

A. Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. B. Việt Nam dân chủ cộng hòa.

C. Việt Nam Cộng hòa. D. Việt Nam độc lập đồng minh.

**Câu 9**. Tại kì họp thứ nhất, Quốc hội khoá VI (24/6 - 3/7/1976), thành phố Sài Gòn - Gia Định được đổi tên

A. Sài Gòn. B. Sài Gòn - Chợ Lớn.

C. Chợ Lớn. D. Thành phố Hồ Chí Minh.

**Câu 10.** Đâu là điểm chung trong quyết định của Quốc hội khóa VI (1976) và Quốc Hội khóa I (1946)?

A. Thành lập chính phủ Liên Hiệp kháng chiến.

B. Bầu Ban dự thảo Hiến pháp.

C. Lấy tên nước là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

D. Thành lập Quân đội Quốc gia Việt Nam.

**Câu 11**. Thắng lợi nào đã tạo nên những điều kiện chính trị cơ bản để phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước, những điều kiện thuận lợi để cả nước đi lên CNXH và mở rộng quan hệ với các nước trên thế giới?

A. Thắng lợi của việc ký Hiệp định Pa-ri 1973.

B. Thắng lợi của đại thắng mùa Xuân 1975.

C. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước.

D. Việt Nam gia nhập Liên Hợp quốc.

**Câu 12.** Ngày 20 – 9 – 1977, nước ta trở thành thành viên thứ 149 của tổ chức nào?

A. ASEAN. B. WTO. C. Liên Hợp Quốc. D. APEC.

**Câu 13.** Hãy sắp xếp sự kiện sau theo trình tự thời gian:

1. Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam.

2. Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước;

3. Quốc hội khóa VI nước Việt Nam thống nhất họp kỳ đầu tiên;

4. Tổng tuyển của bầu Quốc hội chung cả nước.

A. 1,3,2,4. B. 1,2,3,4. C. 1,2,4,3. D. 2,1,3,4.

**Câu 14.** Nội dung nào dưới đây giải thích **không** đúng về ý nghĩa của việc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước?

A. Tạo nên sức mạnh tổng hợp cho cả dân tộc.

B. Tạo điều kiện thuận lợi để thống nhất các lĩnh vực còn lại.

C. Tạo ra khả năng to lớn để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

D. Tạo điều kiện thuận lợi để Việt Nam gia nhập ASEAN.

**Câu 15.** Việc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước ở Việt Nam (1976) đã

A. tạo khả năng to lớn để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

B. đánh dấu việc hoàn thành khắc phục hậu quả chiến tranh.

C. tạo điều kiện hoàn thành cách mạng dân chủ nhân dân.

D. đánh dấu hoàn thànhthống nhất đất nước về hệ thống chính trị.

**Bài 25: Việt Nam xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh bảo vệ tổ quốc**

**(1976 - 1986)**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Bảo vệ biên giới Tây Nam** | **- N**gay sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước, tập đoàn “Khơme đỏ” do Pônpốt cầm đầu xâm phạm lãnh thổ nước ta:  + Tháng 5/1975, quân Khơme đỏ đánh chiếm Phú Quốc và đảo Thổ Chu.  + Ngày 22/12/1978, quân Khơme đỏ tấn công nước ta từ Hà Tiên đến Tây Ninh.  ⇒ Quân ta phản công, tiêu diệt toàn bộ quân xâm lược.  - Ngày 7/1/1979, quân đội Việt Nam cùng với lực lượng cách mạng Campuchia tiến công, xóa bỏ chế độ diệt chủng Pôn pốt, giải phóng Phnôm Pênh. |
| **2. Bảo vệ biên giới phía Bắc** | - Hành động thù địch của Trung Quốc:  + Ủng hộ hành động xâm lược Việt Nam của tập đoàn Pôn pốt.  + Khiêu khích dọc biên giới phía Bắc, dựng nên sự kiện “nạn kiều”, cắt viện trợ, rút chuyên gia.  + Tấn công biên giới phía Bắc ngày 17/2/1979 từ Móng Cái đến Phong Thổ (Lai Châu).  ⇒ Nhân dân Việt Nam ở 6 tỉnh phía Bắc chiến đấu bảo vệ lãnh thổ, đến ngày 18/3/1979 Trung Quốc rút quân. |

**Câu 1.** Trong những năm 1975-1979, quân đội Việt Nam cùng với lực lượng cách mạng Campuchi thực hiện nhiệm vụ nào sau đây?

1. Chống chế độ phản động thuộc địa. B. Xóa bỏ chế độ Apácthai.

C. Chống chế độ độc tài thân Mĩ. D. Xóa bỏ chế độ diệt chủng Pôn Pốt.

**Câu 2.**Trong những năm 1976-1986, nhân dân Việt Nam thực hiện một trong những nhiệm vụ nào sau đây?

A. Xây dựng Qũy độc lập. B. Bầu cử Quốc hội khóa I.

C. Bảo vệ biên giới phía Bắc. D. Đổi mới đất nước.

**Câu 3.**Cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc (1979) đã diễn ra trên quy mô bao nhiêu tỉnh?

A. 4 tỉnh              B. 5 tỉnh. C. 6 tỉnh              D. 7 tỉnh

**Câu 4.**Trong giai đoạn 1975 – 1979, nhân dân ta phải tiến hành các cuộc chiến đấu bảo vệ

A. biên giới phía Bắc và biên giới Tây Nam.

B. biên giới phía Đông và biên giới phía Tây.

C. biên giới phía Nam và biên giới Đông Bắc.

D. biên giới phía Tây và biên giới Tây Nam.

**Câu 5.** Chiến thắng biên giới Tây Nam của quân dân ta có ý nghĩa như thế nào?

A. Tạo thời cơ thuận lợi cho cách mạng Cam-pu-chia giành thắng lợi.

B. Tiêu diệt hoàn toàn chế độ Pôn-pốt - Iêng-xê-ri.

C. Tăng cường tình đoàn kết của ba nước Đông Dương.

D. Tạo nên sức mạnh tổng hợp của nhân dân hai nước Việt Nam và Cam-pu-chia